

**Thời gian báo cáo:** Từ ngày 01/01/2018 đến 12/12/2018

**Đơn vị:** BVĐK Tâm Trí Nha Trang

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 12/12/2018)

**I - CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN**

STT	Thông tin	Số lượng	Tỉ lệ
1	Tổng số mẫu	933	
2	Giới tính		
	Nam	479	
	Nữ	454	
	Nam/Nữ	1.06	
3	Phương pháp sinh		
	Sinh mổ	498	53.38%
	Sinh thường	435	46.62%
	N/A	0	0.00%
4	Tuổi mẹ khi sinh (Chi tiết tại Trang 2)		
	Dưới 18 tuổi	8	0.86%
	Từ 18 đến 35 tuổi	867	92.93%
	Trên 35 tuổi	58	6.22%
5	Sinh con thứ 3 trở lên (Dựa vào Para)		
	Sinh con thứ 3	58	6.22%
	Sinh con thứ 4	9	0.96%
	Sinh con thứ 5 trở lên	2	0.21%
6	Cân nặng trẻ (g)		
	< 2500	12	1.29%
	2500 ≤ X < 3000	138	14.79%
	3000 ≤ X < 3500	476	51.02%
	3500 ≤ X < 4000	262	28.08%
	4000 ≤ X < 5000	45	4.82%
	≥ 5000	0	0.00%
7	Gói xét nghiệm		
	2 bệnh	0	0.00%
	3 bệnh	0	0.00%
	5 bệnh	933	100.00%
	2 bệnh + Hemo	0	0.00%
	3 bệnh + Hemo	0	0.00%
	5 bệnh + Hemo	0	0.00%
8	Chương trình sàng lọc		
	Quốc gia	0	0.00%
	Xã hội hóa	933	100.00%
	Demo	0	0.00%

**Thời gian báo cáo:** Từ ngày 01/01/2018 đến 12/12/2018

**Đơn vị:** BVĐK Tâm Trí Nha Trang

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 12/12/2018)

### I - CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

STT	Thông tin	Nguy cơ thấp L1 (Mẫu thu lần 1)	Nguy cơ cao L2 (Mẫu thu lần 1)	Tổng (Mẫu thu lần 1)	Nguy cơ thấp L2 (Mẫu thu lần 2)	Nguy cơ cao L2 (Mẫu thu lần 2)	Tổng (Mẫu thu lần 2)
1	Cân nặng trẻ (g)	915	18	933	4	10	14
	< 2500	11	1	12	0	0	0
	2500 ≤ X < 3000	136	2	138	1	0	1
	3000 ≤ X < 3500	466	10	476	2	7	9
	3500 ≤ X < 4000	257	5	262	1	3	4
	4000 ≤ X < 4500	43	0	43	0	0	0
	4500 ≤ X < 5000	2	0	2	0	0	0
	≥ 5000	0	0	0	0	0	0
2	Tuổi mẹ	915	18	933	4	10	14
	<13	0	0	0	0	0	0
	13	0	0	0	0	0	0
	14	0	0	0	0	0	0
	15	0	0	0	0	0	0
	16	3	0	3	0	0	0
	17	5	0	5	0	0	0
	18 ≤ X < 20	30	0	30	0	0	0
	20 ≤ X < 25	236	6	242	1	3	4
	25 ≤ X < 30	409	7	416	1	5	6
	30 ≤ X < 35	176	3	179	2	0	2
	35 ≤ X < 40	50	2	52	0	2	2
	40 ≤ X < 45	5	0	5	0	0	0
	≥ 45	1	0	1	0	0	0
3	Dân tộc	915	18	933	4	10	14
	Kinh	911	18	929	4	10	14
	Khác	2	0	2	0	0	0
	Ba na	0	0	0	0	0	0
	Bồ y	0	0	0	0	0	0
	Brâu	0	0	0	0	0	0
	Cao Lan	0	0	0	0	0	0
	Chăm	0	0	0	0	0	0
	Chơ ro	0	0	0	0	0	0
	Chu ru	0	0	0	0	0	0
	Chứt	0	0	0	0	0	0
	Cill	0	0	0	0	0	0

Co	0	0	0	0	0	0
Cơ ho	0	0	0	0	0	0
Cờ lao	0	0	0	0	0	0
Cổng	0	0	0	0	0	0
Dao	0	0	0	0	0	0
Ê đê	0	0	0	0	0	0
Gia rai	0	0	0	0	0	0
Giấy	0	0	0	0	0	0
Gié triêng	0	0	0	0	0	0
H mông	0	0	0	0	0	0
H rê	0	0	0	0	0	0
Hà nhì	0	0	0	0	0	0
Hoa	1	0	1	0	0	0
K tu	0	0	0	0	0	0
Kháng	0	0	0	0	0	0
Khơ me	0	0	0	0	0	0
Khơ mú	0	0	0	0	0	0
La chí	0	0	0	0	0	0
La ha	0	0	0	0	0	0
La hù	0	0	0	0	0	0
Lào	0	0	0	0	0	0
Lô lô	0	0	0	0	0	0
Lự	0	0	0	0	0	0
M nông	0	0	0	0	0	0
Mạ	0	0	0	0	0	0
Măng	0	0	0	0	0	0
Mường	0	0	0	0	0	0
Ngái	0	0	0	0	0	0
Nùng	0	0	0	0	0	0
Ơ đu	0	0	0	0	0	0
Pà thên	0	0	0	0	0	0
Phù lá	0	0	0	0	0	0
Pu péo	0	0	0	0	0	0
Rag lai	0	0	0	0	0	0
Rơ man	0	0	0	0	0	0
Sán chay	0	0	0	0	0	0
Sán diu	0	0	0	0	0	0
Si la	0	0	0	0	0	0
Tà ôi	0	0	0	0	0	0
Tày	1	0	1	0	0	0
Thái	0	0	0	0	0	0
Thổ	0	0	0	0	0	0

<b>Vân kiều</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>X tiếng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Xinh mun</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Xơ đáng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

## BÁO CÁO THÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH SÀNG LỘC SƠ SINH

**Thời gian báo cáo:** Từ ngày 01/01/2018 đến 12/12/2018.

**Đơn vị:** BVĐK Tâm Trí Nha Trang

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 12/12/2018.

### III - BÁO CÁO KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

STT	Thông tin	Số lượng		
1	Tỷ lệ thu lại mẫu lần 2			
	Mẫu cần thu lại lần 2 (Kết quả NCC lần 1)	18		
	Mẫu đã thu lại lần 2	14		
	Mẫu chưa thu lại lần 2	4		
1	Kết quả Sàng lọc sơ sinh	Mẫu nguy cơ cao lần 1 (Chưa được thu lại mẫu)	Mẫu thu lại lần 2	
			Nguy cơ cao	Nguy cơ thấp
	G6PD	4	0	4
	CH	4	0	0
	CAH	4	0	0
	PKU	4	0	0
	GAL	4	0	0
	HEMO	0	0	0